

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2022

“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lã Thị Nhung và ông Nguyễn Đức Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 08/TB-TA ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện A, thành phố H.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1979.

HKTT và nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh H.

(Anh H, chị T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa – anh Phạm Văn H trình bày:

Anh và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh N ngày 25/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian sinh sống ở N, có thời gian đưa nhau vào B làm ăn, đến năm 2014 vợ chồng quay lại chung sống cùng gia đình vợ tại thôn M, xã T; năm 2016, vợ chồng mua đất làm nhà ở riêng.

Quá trình chung sống thời gian đầu cơ bản không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những bất đồng nhỏ nhất trong cuộc sống nhưng vẫn khắc phục được. Đến năm 2020, mâu thuẫn trở lên căng thẳng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Thời gian này anh đang làm quản lý cho một công ty ở H, anh thường xuyên phải đi công tác nên một, hai tuần mới về qua nhà. Chị T không thông cảm, chia sẻ với anh mà cho rằng anh không có trách nhiệm với gia đình, vợ con và nghi ngờ anh có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Mỗi lần anh về nhà là chị T lại có lời nói tri triết, xúc phạm danh dự anh, thái độ thờ ơ, lạnh nhạt... làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, áp lực; tình cảm vợ chồng phai nhạt dần; khoảng cách vợ chồng ngày càng lớn nên gần đây mỗi khi được nghỉ, anh chán nản không muốn về nhà. Anh xác định không còn tình cảm, lòng tin với chị T, mâu thuẫn vợ chồng âm ỉ kéo dài nhiều năm, không còn khả năng hàn gắn. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị T để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Anh và chị T có hai con chung là Phạm Thị Hồng N, sinh năm 2007 và Phạm Vũ Trường G, sinh năm 2016, hiện đang ở cùng chị T. Anh được biết nguyện vọng của các con xin được ở với mẹ đồng thời chị T xin nuôi dưỡng cả hai con chung, anh nhất trí. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị T, cụ thể: Anh cấp dưỡng nuôi một con chung 2.500.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng một năm một lần, trong đó: Năm 2022 anh thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 31/12/2022; kể từ năm 2023 anh thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 30/6 hàng năm (ngày dương lịch).

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn- chị Vũ Thị T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như anh H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn lớn, chỉ từ khi anh H đi làm tại H, anh ít về nhà và không còn giành tình cảm cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình ...chị nghi ngờ anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác...chị cảm nhận rõ việc anh không còn chung thủy với chị, chị có nhắc nhở nhưng anh không thay đổi mà mỗi lần gặp nhau vợ chồng lại lời qua tiếng lại, không khí gia đình căng thẳng. Khi anh H đặt vấn đề ly hôn, chị không nhất trí; chị chấp nhận cuộc sống có chồng không chung thủy hoặc vợ chồng sống ly thân miễn là hôn nhân tồn tại để các con chị có đủ bố và mẹ, mặc dù bản thân chị cũng xác định không còn tình cảm, lòng tin với anh H; hôn nhân của anh, chị không còn khả năng hàn gắn. Tại phiên hòa giải ngày 27 tháng 6 năm 2022 chị xác định nếu anh H nhất trí cấp dưỡng nuôi hai con chung 1 lần là 350.000.000 đồng thì chị đồng ý ký đơn thuận tình ly hôn để giải phóng cho anh H chứ bản thân chị chưa bao giờ tự nguyện ly hôn.

Tại phiên tòa, chị thay đổi quan điểm theo hướng nếu anh H vẫn quyết tâm xin ly hôn chị trong khi anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi hai con chung một lần thì anh phải cấp dưỡng nuôi hai con chung một năm một lần, mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/1 con chung/1 tháng thì chị chấp nhận ly hôn.

Chị xác định vợ chồng có hai con chung như anh H trình bày là đúng. Nếu ly hôn, chị xin nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị và anh H thống nhất mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, cụ thể: Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con chung là 2.500.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 01/2022 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng

thành; phương thức cấp dưỡng một năm một lần, trong đó năm 2022 anh H thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 31/12/2022, kể từ năm 2023 anh H thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 30/6 hàng năm (ngày dương lịch) đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh H xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, Thư ký, của các đương sự cơ bản tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H, xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Vũ Thị T.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 08/5/2007 và Phạm Vũ Trường G, sinh ngày 11/11/2016 (hiện đang ở cùng chị T) cho chị Vũ Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi mỗi con chung trưởng thành, 18 tuổi.

Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/1 con chung/1 tháng, kể từ tháng 01/2022 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; phương thức cấp dưỡng một năm một lần. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung năm 2022 vào ngày 31/12/2022, kể từ năm 2023 thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 30/6 hàng năm (ngày dương lịch) đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản: Anh H, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh N ngày 25/8/2006 là hôn nhân hợp pháp.

Anh H, chị T thừa nhận: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; mâu thuẫn phát sinh kể từ khi anh H đi làm tại H, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế dẫn đến mối quan hệ vợ chồng ngày càng rạn nứt, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt; chị T cho rằng anh H không giành tình cảm cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình...trong khi anh H cho rằng chị T không thông cảm với tính chất công việc của anh,

mỗi khi anh về nhà thì chị thờ ơ, lạnh nhạt và thường xuyên có những lời nói triết làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng.

Anh H kiên quyết ly hôn, trong khi chị T xác định bản thân chị không còn biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị T trình bày quan điểm nếu anh H thực hiện việc cấp dưỡng như đề xuất của chị thì chị buộc phải đồng ý ly hôn chứ trong tâm tư chị không thực sự tự nguyện.

Xét mâu thuẫn giữa anh H, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh H được ly hôn chị T phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung:

Anh H, chị T có hai con chung, anh chị đã thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/1 con chung/1 tháng, kể từ tháng 01/2022 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng một năm một lần. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung năm 2022 vào ngày 31/12/2022, kể từ năm 2023 thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 30/6 hàng năm (ngày dương lịch) đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh H, chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H, xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Vũ Thị T.

2- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao hai con chung Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 08/5/2007 và Phạm Vũ Trường G, sinh ngày 11/11/2016 (hiện đang ở cùng chị T) cho chị Vũ Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi mỗi con chung trưởng thành, 18 tuổi.

Anh Phạm Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/1 con chung/1 tháng, kể từ tháng 01/2022 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; phương thức cấp dưỡng một năm một lần. Thời điểm cấp dưỡng nuôi

con chung năm 2022 vào ngày 31/12/2022, kể từ năm 2023 cấp dưỡng vào ngày 30/6 hàng năm (ngày dương lịch).

Kể từ khi chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Phạm Văn H chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

3- Về quan hệ tài sản: Anh H, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng là 600.000 đồng, trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003862 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hải Dương. Anh H còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

5- Về quyền kháng cáo: Anh H, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tân An, huyện T, tỉnh N;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên